

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/2023

“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Mai;
- Ông Trần Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Minh Hiếu, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Neàng Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 13/6/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 226/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Hồ Quý D, sinh năm 1955; nơi cư trú: khóm XH, thị trấn TB, huyện TB (nay là phường TB, thị xã TB), tỉnh An Giang;

Bị đơn: bà Nguyễn Phụng H, sinh năm 1958; nơi cư trú: khóm XH, thị trấn TB, huyện TB (nay là phường TB, thị xã TB), tỉnh An Giang;

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồ Quý D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Phụng H tự tìm hiểu, tổ chức đám cưới và chung sống từ năm 1975, không đăng ký kết hôn và không có con chung. Trong thời gian sống chung, vợ chồng mở quán cafe, luôn tạo dựng hạnh phúc. Thời gian gần đây, bà H đã gây ra nợ nần, vợ chồng cùng phải trả nợ nhiều lần nên từ đó xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2016, hai vợ chồng làm giấy tay ly hôn và tự phân chia tài sản, và hai người sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc, nên ông D yêu cầu được ly hôn với bà H.

Tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn khai đã tự phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cụ thể vào năm 2016, hai vợ chồng thỏa thuận và đã thực hiện việc tặng cho như sau: nguyên đơn Hồ Quý D được đứng tên sử dụng riêng phần đất diện tích 1.000m² tọa lạc thị trấn (nay là phường) TB, huyện (nay là thị xã) TB theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04115 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 19/5/2017 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/5/2017 giữa bà Nguyễn Phụng H với ông Hồ Quý D; bị đơn Nguyễn Phụng H được đứng tên sử dụng riêng phần đất diện tích 148,4m² theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 04/5/2017 giữa ông Hồ Quý D với bà Nguyễn Phụng H.

Ý kiến trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Phụng H trình bày:

Bà H thống nhất lời khai của nguyên đơn về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân. Bà thừa nhận những năm gần đây do tham gia chơi cờ bạc dẫn đến nợ số tiền lớn nên đã cầm cố căn nhà nơi bán cafe (căn nhà và đất hiện do riêng bị đơn đứng tên sử dụng). Nay ông D yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông D hỗ trợ số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Về con chung : không có

Khoản nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: quá trình tố tụng, bà H yêu cầu chia tài sản chung là phần đất diện tích 1.000m² nói trên trị giá 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng và căn nhà trên diện tích đất 148,4m² nói trên trị giá (cả nhà và đất) là 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2023, bà H rút yêu cầu chia tài sản chung nói trên vì các bên đã thỏa thuận được khi nào nguyên đơn bán được đất sẽ hỗ trợ cho bị đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bị đơn. Bị đơn không đồng ý ly hôn. Bị đơn chỉ đồng ý ly hôn khi nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn số tiền 500.000.000 đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS). Tuy nhiên còn để án quá thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án: ông D và bà H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1975 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù cả hai đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001 thì hôn nhân của ông bà là hôn nhân thực tế nên được pháp luật bảo vệ. Nhận thấy thời gian hai người sống ly thân khá dài không tạo cơ hội hàn gắn đoàn tụ; Điều đó cho thấy sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông D đối với bà H.

Về con chung: không có.

Tài sản chung: không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1]. Nguyên đơn ông Hồ Quý D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Phụng H; bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ 11, khóm XH, thị trấn TB, huyện TB (nay là phường TB, thị xã TB), tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2]. Quan hệ hôn nhân: ông Hồ Quý D và bà Nguyễn Phụng H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1975 nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào

điểm a khoản 1 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001 thì hôn nhân của ông, bà là hôn nhân thực tế nên được pháp luật bảo vệ

[3]. Ông Hồ Quý D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Phụng H, bà H không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn tình cảm vợ chồng vẫn còn và bà chỉ đồng ý ly hôn khi ông D hỗ trợ cho bà số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Hai bên cùng thống nhất không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay.

[4]. Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau, nhưng hiện tại hai người đã sống ly thân thời gian khá dài, nhưng không tạo được điều kiện để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Bà H cho rằng do còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn, nhưng bà đặt điều kiện nếu ông D hỗ trợ cho bà số tiền là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng thì bà cũng đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, lý do bà Hoàng không đồng ý ly hôn không phải còn tình cảm mà là do ông D chưa hỗ trợ số tiền 500.000.000 đồng. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về việc ly hôn với bà Hoàng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5]. Về tài sản chung, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn có ý kiến xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Do đó Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì được giải quyết bằng vụ án khác

[6]. Về án phí: ông D là nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định.

Bà H là bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Quý D về việc xin ly hôn;

- Về quan hệ hôn nhân: ông Hồ Quý D được ly hôn bà Nguyễn Phụng H.

- Về án phí: ông Hồ Quý D phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2022/0008677 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tịnh Biên. Ông Hồ Quý Dân đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Phụng H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND TX. Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS TX. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thiện